01

Tiếng Anh từ căn bản

Hướng dẫn bắt đầu và lộ trình học

Khảo sát đầu vào • Nguồn học chọn lọc • Lịch học từ nền tảng đến A1, A2 và B1

A1
Xây nền tảng

A2
Mở rộng sử dụng

B1
Kết nối các ý

Học từng bước • Luyện với tình huống đời sống
Bản 1.0 - Tháng 11/2026
giasutainha.edu.vn

Bắt đầu trong ba bước

01 Chọn một mục tiêu gần

Điền: Tôi muốn dùng tiếng Anh để _____. Trong hai tuần đầu, tôi muốn tự giới thiệu và hiểu một cuộc chào hỏi ngắn. Nếu mục tiêu khác phù hợp hơn, thay bằng mục tiêu của bạn.

02 Làm khảo sát nhẹ nhàng

Dành khoảng 15-20 phút cho phần khảo sát. Không tra từ điển trong lần đầu. Đánh dấu câu chưa chắc; bỏ qua câu quá khó và tiếp tục. Bạn được dùng thông tin giả trong phần nói và viết.

03 Học buổi đầu rồi ghi lại

Mở bài chào hỏi và giới thiệu ở tuần 1. Học theo nhịp 30 phút, sau đó đánh dấu phiếu theo dõi. Chỉ cần một cuốn sổ hoặc một tệp ghi chú; không cần cài nhiều ứng dụng.

Mục tiêu gần của tôi

Tôi muốn dùng tiếng Anh để: _____

Mỗi buổi tôi có thể học: _____ phút

Những ngày thuận tiện: _____

Sau hai tuần, tôi muốn tự làm được: _____

Mở tài liệu theo thứ tự

01 - Làm khảo sát và chọn nhịp học.

02 - Học 10 buổi khởi động, làm bài trước khi xem đáp án.

03 - Đối chiếu đáp án và ghi phần cần ôn.

PDF dùng được ngoại tuyến cho phần đọc và bài tập. Mở bài nghe trên trang nguồn cần Internet.

Giữ nhịp học vừa sức

Nhịp 30 phút cho 10 buổi khởi động

3 phút ôn • 6 phút từ/mẫu câu • 5 phút nghe • 6 phút bài tập • 7 phút nói/viết • 3 phút tự kiểm.

Đây là phương án đề xuất: 5 buổi/tuần. Có thể chia một bài thành hai lần học nếu cần; ghi đúng số phút thực học.

Buổi 1: Làm quen

Nghe/đọc bài mẫu, học một nhóm từ nhỏ và mẫu câu chính.

Buổi 2: Nghe và phát âm

Nghe lại, đối chiếu lời thoại, nhắc theo từng cụm và thay thông tin để nói.

Buổi 3: Đọc và mẫu câu

Đọc một đoạn mới cùng chủ đề, làm bài tập ngắn, sửa lỗi có giải thích.

Buổi 4: Nói và viết

Đóng vai một tình huống, rồi viết tin nhắn hoặc vài câu liên quan.

Buổi 5: Ôn và tự kiểm

Làm nhiệm vụ mới không chép mẫu, kiểm lại phần còn yếu và chọn nội dung ôn tuần sau.

Khi bận hoặc gián đoạn

• Ôn ngắn vào buổi kế tiếp, cuối tuần và khoảng một tuần sau. Đổi thứ tự câu hỏi hoặc thay tình huống để kiểm tra khả năng nhớ và sử dụng.

• Bỏ lỡ một ngày: tiếp tục buổi còn dang dở vào lần học kế tiếp. Không cần học gấp đôi hoặc học lại từ đầu.

• Nghỉ hơn một tuần: dành buổi quay lại để ôn từ/cụm từ, nghe lại một bài cũ và làm một nhiệm vụ ngắn. Sau đó chọn tiếp tục hoặc ôn thêm.

• Ngày quá bận: làm bản 10 phút gồm 3 phút nhớ lại, 4 phút nghe/đọc và 3 phút tự nói. Ghi đúng thời lượng đã học; trở lại nhịp thường khi thuận tiện.

• Nếu liên tiếp thấy quá nặng, giảm số từ mới hoặc chia một bài thành hai buổi. Nếu quá dễ, tăng nhiệm vụ sử dụng tiếng Anh trước khi tăng số lượng ngữ pháp.

Hiểu các mức và thời gian học

A1, A2, B1, B2, C1, C2 là các mức năng lực của CEFR. Bộ khởi động tập trung những việc rất căn bản; học hết 10 buổi chưa đồng nghĩa đạt A1.

Mức	Hướng sử dụng tiếng Anh
A1	Dùng câu rất cơ bản cho nhu cầu gần gũi; tự giới thiệu và trao đổi đơn giản khi người đối thoại nói chậm, rõ và hỗ trợ.
A2	Trao đổi ngắn trong việc quen thuộc; hiểu thông tin thiết yếu về bản thân, gia đình, mua sắm, địa điểm và công việc.
B1	Nắm ý chính của lời nói rõ về chủ đề quen thuộc; xử lý nhiều tình huống đi lại; kể trải nghiệm và giải thích ngắn ý kiến, kế hoạch.
B2	Hiểu nội dung phức tạp hơn; trao đổi khá trôi chảy, trình bày quan điểm và ưu nhược điểm.
C1	Dùng ngôn ngữ linh hoạt, diễn đạt mạch lạc ở bối cảnh xã hội, học tập và công việc phức tạp.
C2	Hiểu và tổng hợp thông tin rất rộng; diễn đạt chính xác các sắc thái tinh tế.

Thời gian: nhìn vào giờ học và việc làm được

30 phút × 5 buổi = 2,5 giờ/tuần. Bộ 10 buổi có khoảng 5 giờ học theo lịch.

Cambridge nêu số giờ học có hướng dẫn tích lũy tham khảo: A1 khoảng 90-100 giờ; A2 khoảng 180-200 giờ; B1 khoảng 350-400 giờ. Đây không phải dự báo thời gian tự học cá nhân.

Số giờ tham khảo tích lũy từ người mới, gồm giờ học có hướng dẫn và học có giám sát. Thời gian thay đổi theo nền tảng, cường độ và tiếp xúc ngoài buổi học.

Không xem 30 phút tự học tương đương 30 phút học có hướng dẫn. Không dùng bảng này để hứa thời hạn đạt trình độ. Bộ 10 buổi chỉ có 5 giờ học khởi động.

https://support.cambridgeenglish.org/hc/en-gb/articles/202838506-Guided-learning-hours

IELTS và hướng học tiếp

IELTS dùng thang band; không có quy đổi chính xác một-một với CEFR. Chưa chọn loại thi, band hoặc hạn thi cho người học.

B2, C1 và C2 là các hướng phát triển tiếp theo với yêu cầu sử dụng ngôn ngữ ngày càng rộng và linh hoạt. Chưa cần thu thập toàn bộ sách của các mức này khi đang xây nền tảng. Khi đã có minh chứng tiến bộ và mục tiêu sử dụng rõ, chọn lộ trình tiếp theo phù hợp.

https://www.coe.int/en/web/common-european-framework-reference-languages/table-1-cefr-3.3-common-reference-levels-global-scale

https://ielts.org/organisations/ielts-for-organisations/compare-ielts/ielts-and-the-cefr

Khảo sát: kiến thức cơ bản

Khảo sát nhẹ nhàng

Tìm phần nên bắt đầu và phần cần ôn; không xếp loại hay quy đổi sang CEFR.

Kiến thức cơ bản 4 phút; đọc 4 phút; viết 4-5 phút; nói và tự nhìn lại 3-7 phút. Có thể chia thành hai lần nếu cần.

• Lần đầu làm không dùng từ điển hoặc công cụ dịch. Đánh dấu ? cạnh đáp án chưa chắc.

• Mỗi câu trắc nghiệm có một đáp án phù hợp. Bỏ qua câu chưa biết; không cần đoán cho đủ.

• Phần viết và nói cho phép dùng thông tin giả. Không cần ghi số điện thoại, địa chỉ hoặc thông tin riêng.

• Bộ khảo sát này chưa có nhiệm vụ nghe. Kỹ năng nghe được ghi là CHƯA ĐÁNH GIÁ; không kết luận năng lực đủ bốn kỹ năng.

A. Chọn câu trả lời phù hợp

Chọn một đáp án mỗi câu; đánh dấu ? nếu chưa chắc.

1. My name ___ Mai.

A. am B. is C. are

2. They ___ from Viet Nam.

A. am B. is C. are

3. She ___ English every evening.

A. studies B. study C. studying

4. We don't ___ coffee at night.

A. drinks B. drink C. drinking

Khảo sát: kiến thức cơ bản | tiếp

5. There ___ two chairs in the room.

A. is B. am C. are

6. I get up ___ seven o'clock.

A. at B. in C. on

7. Yesterday, I ___ to the market.

A. go B. went C. going

8. Look! It ___ outside.

A. rain B. rains C. is raining

9. This bag is ___ than that one.

A. cheap B. cheaper C. cheapest

10. I'm going to ___ my friend this weekend.

A. visit B. visited C. visiting

Khảo sát: đọc và viết

Mai's week

Mai lives in Da Nang with her family. She works in a small shop from Monday to Friday. She usually goes to work by bus because the shop is far from her home. On Saturday mornings, she buys food at the market. This Saturday, she is going to visit her sister instead. They plan to cook lunch together. Mai wants to learn English so she can help visitors at the shop. She studies for twenty minutes after dinner.

Trả lời ngắn bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt. Mục tiêu của phần này là kiểm tra hiểu bài đọc, không chấm khả năng viết tiếng Anh.

R1. Where does Mai live?

R2. Why does she usually take the bus to work?

R3. What is she going to do this Saturday?

R4. When does she study English, and for how long?

C. Viết 3-5 câu

Giới thiệu một chút về bạn hoặc một người tưởng tượng: tên, nơi sống, việc thường làm, một điều thích và lý do muốn học tiếng Anh. Tự viết trước khi xem mẫu.

Gợi ý: My name is ... / I live in ... / I usually ... / I like ... / I want to learn English because ...

Khảo sát: nói và nhìn lại

D. Nói thử

Nếu có chức năng ghi âm, ghi mỗi phần khoảng 20-40 giây để tự nghe lại. Nếu không có, nói thành tiếng và tự đánh dấu. Bạn được dừng để nghĩ. Chưa có người hoặc công cụ nghe bản ghi thì chưa đánh giá khách quan độ rõ và khả năng tương tác.

• Giới thiệu bạn hoặc một người tưởng tượng bằng 3-5 câu: tên, nơi sống, việc thường làm và một sở thích. Sau đó thử trả lời: What do you like doing?

• Chọn một chủ đề: một ngày thường của bạn hoặc việc bạn đã làm hôm qua. Nói 3-5 câu. Nếu chưa nói được về hôm qua, chọn ngày thường và ghi lại rằng bạn cần học thêm cách kể chuyện đã qua.

Tự nhìn lại trước khi xem đáp án

Không cộng bốn phần thành một mức A1/A2/B1. Một câu đúng nhờ đoán hoặc chép mẫu không chứng minh bạn đã dùng được nội dung đó.

Nghe: chưa đánh giá trong khảo sát này. Trong tuần 1-2, dùng bài nghe có âm thanh và lời thoại, nghe trước khi đọc, trả lời câu hỏi tìm thông tin rồi đối chiếu.

☐ Tôi đã thử nói thành tiếng, không chỉ đọc thầm.

☐ Tôi có thể nói ít nhất vài ý của riêng mình, dù còn ngập ngừng.

☐ Tôi đã ghi những từ hoặc câu khiến mình dừng lâu để hỏi cách nói.

☐ Nếu có bản ghi, tôi đã nghe lại và đánh dấu phần muốn nhờ người khác nghe góp ý.

Ghi lại để chọn bài

Tôi đã làm được: _____

Tôi muốn ôn trước: _____

Phần cần người khác góp ý: _____

Bài sẽ học tiếp: _____

Chọn điểm bắt đầu

• Nếu phần khảo sát khiến bạn khó bắt đầu, cứ học tuần 1. Việc chưa làm được một câu chỉ giúp chọn nội dung cần học.

• Nếu đã làm quen các câu chào hỏi, vẫn dùng hai tuần đầu để kiểm tra phát âm, nghe và khả năng tự nói; tăng tốc những phần đã vững.

• Chỉ bỏ qua một nhóm bài khi bạn làm được nhiệm vụ nói, viết, nghe và đọc liên quan; kết quả trắc nghiệm một mình chưa đủ để quyết định.

Sáu nguồn học đã chọn

01 LearnEnglish A1

British Council | Nền tảng đến A1

Nghe, nói, đọc, viết; từ vựng và ngữ pháp

Nguồn chủ lực sau và song song với bộ khởi động tiếng Việt; chọn từng bài ngắn theo chủ đề.

Bắt đầu: Meeting a new team member

Mở bài được gợi ý

Tải worksheet từng bài khi có nút Download; không phải toàn bộ khóa A1 trong một PDF.

Bài công khai đã mở được không đăng nhập; miễn phí. Tài khoản dành cho lưu bài/bình luận; các khóa học trả phí là mục riêng.

https://learnenglish.britishcouncil.org/level/understand-your-level/a1-elementary

Tải worksheet chính thức của bài mẫu

02 LearnEnglish A2

British Council | A1 lên A2

Bốn kỹ năng

Dùng sau khi nền tảng A1 đã ổn; tăng dần các tình huống sinh hoạt và công việc.

Bắt đầu: Changing a meeting time

Mở bài được gợi ý

Bài nghe mẫu có worksheet PDF gồm bài tập, lời thoại và đáp án.

Bài công khai miễn phí, đã mở không đăng nhập; khóa có giáo viên được tính phí riêng.

https://learnenglish.britishcouncil.org/level/understand-your-level/a2-pre-intermediate

Tải worksheet chính thức của bài mẫu

Sáu nguồn học đã chọn | tiếp

03 LearnEnglish B1

British Council | A2 lên B1

Bốn kỹ năng

Luyện hiểu ý chính và diễn đạt có liên kết; chọn chủ đề quen thuộc trước.

Bắt đầu: Meeting an old friend

Mở bài được gợi ý

Bài nghe mẫu có worksheet PDF; học theo từng bài.

Bài công khai miễn phí, đã mở không đăng nhập; khóa trả phí là lựa chọn riêng.

https://learnenglish.britishcouncil.org/level/understand-your-level/b1-intermediate

Tải worksheet chính thức của bài mẫu

04 A1-A2 Grammar

British Council | A1-A2

Ngữ pháp bổ trợ

Tra cứu đúng điểm đang học; dùng hướng dẫn tiếng Việt trong bộ học để hiểu trước.

Bắt đầu: Articles: a, an, the

Mở bài được gợi ý

Học trực tuyến; bài được chọn không hiển thị worksheet PDF.

Miễn phí; đọc bài công khai không cần đăng nhập.

https://learnenglish.britishcouncil.org/free-resources/grammar/a1-a2

Sáu nguồn học đã chọn | tiếp

05 A1-A2 Vocabulary

British Council | A1-A2

Từ vựng, phát âm

Chọn từ theo chủ đề gần cuộc sống; chỉ bổ sung vài từ cần dùng mỗi buổi.

Bắt đầu: Daily routine vocabulary

Mở bài được gợi ý

Học trực tuyến; bài được chọn không có nút tải PDF.

Miễn phí; nội dung công khai đã mở không đăng nhập.

https://learnenglish.britishcouncil.org/free-resources/vocabulary/a1-a2

06 Activities for Learners

Cambridge English | A1-A2 và B1-B2

Các kỹ năng; bài ngắn bổ trợ

Bài bổ trợ cho ngày bận, dùng bộ lọc trình độ và thời gian.

Bắt đầu: Vocabulary for work and jobs

Mở bài được gợi ý

Bài tương tác trực tuyến; không ghi là có PDF tải về.

Hoạt động công khai miễn phí; trang đã mở không đăng nhập.

https://www.cambridgeenglish.org/learning-english/activities-for-learners/

Mở bài nghe và lời thoại

Một bộ chủ lực cho từng chặng

Nền tảng/A1: bộ khởi động tiếng Việt + LearnEnglish A1. A1 lên A2: LearnEnglish A2. A2 lên B1: LearnEnglish B1. Ngữ pháp, từ vựng và Cambridge Activities là nguồn bổ trợ theo nhu cầu.

L1 Meeting a new team member

Làm quen ở nơi làm việc | British Council | A1

Mở bài nghe và lời thoại

Tải worksheet chính thức

https://learnenglish.britishcouncil.org/free-resources/listening/a1/meeting-new-team-member

L2 Meeting people at a dinner

Gặp người quen trong bữa tiệc | British Council | A1

Mở bài nghe và lời thoại

Tải worksheet chính thức

https://learnenglish.britishcouncil.org/free-resources/listening/a1/meeting-people-dinner

L3 Booking a table

Đặt bàn và nghe giờ | British Council | A1

Mở bài nghe và lời thoại

Tải worksheet chính thức

https://learnenglish.britishcouncil.org/free-resources/listening/a1/booking-table

L4 Shopping for clothes

Hỏi món đồ và giá tiền | British Council | A1

Mở bài nghe và lời thoại

Tải worksheet chính thức

https://learnenglish.britishcouncil.org/free-resources/listening/a1/shopping-clothes

Mở bài nghe và lời thoại | tiếp

L5 Ordering in a café

Gọi đồ ở quán | British Council | A1

Mở bài nghe và lời thoai

Tải worksheet chính thức

https://learnenglish.britishcouncil.org/free-resources/listening/a1/ordering-cafe

L6 Finding the library

Hỏi vị trí một địa điểm | British Council | A1

Mở bài nghe và lời thoai

Tải worksheet chính thức

https://learnenglish.britishcouncil.org/free-resources/listening/a1/finding-library

Cách nghe trong 5 phút

• Mở liên kết hoặc quét QR; bấm nút phát trên trang British Council.

• Giới hạn phần nghe khoảng 5 phút: chọn đoạn được chỉ định, nghe 1-2 lượt rồi trả lời. Nếu nguồn dài, không cần phát hết. Chưa xong thì đánh dấu và học tiếp lần sau.

• Lượt 1 nghe lấy thông tin chính; lượt 2 trả lời câu hỏi trong bài học.

• Sau khi trả lời, mở mục Transcript để đọc lời thoại; nghe lại phần chưa rõ.

• Nút Download/Worksheet ở cuối trang mở bản PDF gốc có bài tập, lời thoại và đáp án.

• PDF tự biên soạn có thể học ngoại tuyến; nghe trên trang nguồn cần Internet.

Lịch học 12 tuần đầu

Cách dùng kế hoạch

Mỗi tuần gồm 5 buổi. Hai tuần khởi động dùng đúng 10 bài thực hành của bộ tài liệu: tuần 1 là bài 1-5, tuần 2 là bài 6-10. Làm khảo sát 15-20 phút trước khi bắt đầu hoặc ở một buổi riêng, không cộng thêm vào buổi học 30 phút. Từ tuần 3, các chủ đề được ôn lại và mở rộng theo 6 chu kỳ; đây là 10 tuần đầu của khung 24 tuần. Giữ hoặc lặp tuần nếu nhiệm vụ còn quá khó. Ngoài 10 bài khởi động đã biên soạn, các tên học liệu phía sau là mô-đun cần dùng, không phải tên sách hay liên kết tải đã được xác minh.

Tuần 1: Khởi động: chào hỏi, gia đình, số và đồ vật

I'm/I'm from; This is my ...; he/she + is; số 0-10 và giờ đúng; this/that + is; a/an với đồ vật quen thuộc.

Học liệu: Bài 1: Chào hỏi và giới thiệu bản thân; Bài 2: Giới thiệu người trong gia đình; Bài 3: Số, giờ và đọc từng chữ số; Bài 4: Đồ vật quanh mình; Bài 5: Ôn tuần 1.

Buổi 1. Bài 1: nghe lời chào, nói tên và nơi đến từ; viết hai câu.

Buổi 2. Bài 2: giới thiệu một người thật hoặc tưởng tượng; luyện he/she và is.

Buổi 3. Bài 3: luyện số 0-10, giờ đúng và dãy số ngắn; nghe tìm số người và giờ hẹn.

Buổi 4. Bài 4: gọi tên đồ vật, luyện this/that và a/an; dùng thông tin mới để nói và viết.

Buổi 5. Bài 5: ôn bốn buổi trước; làm nhiệm vụ ngắn và chọn phần cần củng cố.

Sau tuần này: Chào hỏi, giới thiệu bản thân và một người, nhận ra một số con số, giờ và đồ vật quen thuộc.

Tuần 2: Khởi động: sinh hoạt, hỏi thói quen, mua hàng và vị trí

I + động từ; Do you ...?; Yes, I do/No, I don't; I'd like ...; How much is it?; Where is ...?; in/on/under.

Học liệu: Bài 6: Kể một ngày đơn giản; Bài 7: Hỏi về thói quen; Bài 8: Mua một món đồ; Bài 9: Đồ vật ở đâu?; Bài 10: Ôn hai tuần.

Buổi 1. Bài 6: nói và viết ba hoạt động thường ngày; ôn giờ.

Buổi 2. Bài 7: đặt câu hỏi Do you ...? và trả lời có/không về thói quen.

Buổi 3. Bài 8: gọi một món đơn giản, hỏi giá và cảm ơn.

Buổi 4. Bài 9: hỏi vị trí, dùng in/on/under; nghe tìm một địa điểm với từ gợi ý.

Buổi 5. Bài 10: ôn giới thiệu, thói quen, mua hàng và vị trí; đọc đoạn mới, tự nói/viết và ghi bước học tiếp.

Sau tuần này: Thử thực hiện vài trao đổi đơn giản trong đời sống, nhận biết nội dung cần luyện thêm; chưa kết luận đã đạt một bậc CEFR.

Lịch học 12 tuần đầu | tiếp

Tuần 3: Một ngày thường

Hiện tại đơn với I/you/we/they; get up/work/study/cook; giờ và at; first/then.

Học liệu: Lịch sinh hoạt có giờ; Bài nghe một ngày thường; Bảng cụm động từ sinh hoạt.

Buổi 1. Đọc lịch sinh hoạt; chọn 6-8 cụm từ cần dùng.

Buổi 2. Nghe và ghi thời gian của 3 hoạt động.

Buổi 3. Luyện câu hiện tại đơn và cách nói giờ.

Buổi 4. Nói một ngày thường; viết 4-5 câu theo thứ tự.

Buổi 5. Đọc lịch mới, trả lời câu hỏi; kể lại ngày của mình không chép mẫu.

Sau tuần này: Nói và viết các hoạt động thường ngày kèm một số thời điểm.

Tuần 4: Hỏi về thói quen

He/she + động từ hiện tại đơn; do/does; don't/doesn't; usually/sometimes.

Học liệu: Hội thoại hỏi giờ làm và sở thích; Phiếu phỏng vấn đơn giản; Bài tập câu hỏi và phủ định.

Buổi 1. Đọc đoạn về thói quen của một người; chú ý động từ.

Buổi 2. Nghe hội thoại và tìm giờ, hoạt động, tần suất.

Buổi 3. Luyện do/does và don't/doesn't qua câu ngắn.

Buổi 4. Tự đóng hai vai hỏi-đáp 4 câu, rồi viết câu trả lời.

Buổi 5. Viết 4-5 câu về một người và hỏi 3 câu về thói quen.

Sau tuần này: Hỏi và trả lời thông tin thường ngày bằng mẫu câu đơn giản.

Tuần 5: Nhà ở và khu vực xung quanh

There is/There are; in/on/under/next to; từ chỉ phòng và địa điểm quen thuộc.

Học liệu: Sơ đồ căn phòng hoặc khu phố đơn giản; Bài nghe tìm đồ vật; Đoạn mô tả nơi ở.

Buổi 1. Học từ qua sơ đồ và đọc mô tả ngắn.

Buổi 2. Nghe chỉ vị trí, đánh dấu đồ vật hoặc địa điểm.

Buổi 3. Luyện There is/are và giới từ nơi chốn.

Buổi 4. Mô tả một căn phòng hoặc khu vực tưởng tượng bằng nói và viết.

Buổi 5. Dùng sơ đồ mới để hỏi-đáp vị trí; sửa những câu chưa rõ.

Sau tuần này: Mô tả nơi có đồ vật hoặc địa điểm và hiểu chỉ dẫn vị trí đơn giản.

Lịch học 12 tuần đầu | tiếp

Tuần 6: Ôn chu kỳ 1: đời sống hằng ngày

Ôn câu giới thiệu, thói quen, thời gian và nơi chốn; không thêm chủ điểm ngữ pháp lớn.

Học liệu: Bài nghe mới về một ngày và nơi làm việc; Đoạn đọc mới cùng chủ đề; Phiếu nhiệm vụ nói và viết.

Buổi 1. Tự nhớ lại rồi ôn 8-10 cụm từ thường dùng.

Buổi 2. Nghe bài mới: tìm ý chính và 3 thông tin.

Buổi 3. Đọc bài mới; sửa câu theo lỗi thực tế.

Buổi 4. Nói về một ngày và nơi ở; viết một đoạn ngắn.

Buổi 5. Đối chiếu tiêu chí từng kỹ năng, chọn 1-2 mục cần học lại.

Sau tuần này: Một bảng tự nhìn lại có minh chứng nghe, đọc, nói, viết; quyết định tiếp tục hay lặp phần còn yếu.

Tuần 7: Ăn uống và mua thực phẩm

I would like ...; some/any ở câu quen thuộc; danh từ đếm được/không đếm được; How much/How many.

Học liệu: Thực đơn hoặc danh sách mua hàng ngắn; Hội thoại gọi món; Phiếu số lượng và giá.

Buổi 1. Đọc thực đơn, học 6-8 từ hoặc cụm từ thực sự dùng.

Buổi 2. Nghe gọi món và tìm món, số lượng, giá.

Buổi 3. Luyện I would like và How much/How many qua tình huống.

Buổi 4. Đóng vai gọi món; viết danh sách mua hàng và vài câu yêu cầu.

Buổi 5. Thử thực đơn mới, hỏi và trả lời mà không đọc toàn bộ mẫu.

Sau tuần này: Gọi món hoặc mua vài món đồ bằng câu lịch sự, hiểu giá và số lượng đơn giản.

Tuần 8: Mua sắm và chọn lựa

Giá tiền, màu, kích thước; this/that/these/those; cheaper/bigger/better trong câu so sánh đơn giản.

Học liệu: Hai hoặc ba thẻ sản phẩm giả định; Hội thoại mua đồ; Bảng mẫu hỏi giá và lựa chọn.

Buổi 1. Đọc thẻ sản phẩm, tìm giá và đặc điểm.

Buổi 2. Nghe hỏi giá/kích thước; ghi thông tin cần chọn.

Buổi 3. Luyện câu so sánh ngắn và câu hỏi mua sắm.

Buổi 4. Đóng vai người mua-người bán; viết 3-5 câu giải thích lựa chọn.

Buổi 5. Chọn một món từ thẻ mới và nói một lý do đơn giản.

Sau tuần này: Hỏi thông tin mua hàng và đưa ra một lựa chọn có lý do ngắn.

Lịch học 12 tuần đầu | tiếp

Tuần 9: Đi lại và hỏi đường

Turn left/right; go straight; near/opposite; by bus/on foot; Can you help me?; Where is ...?

Học liệu: Bản đồ nhỏ dễ nhìn; Bài nghe hỏi đường; Thông tin giờ đi và điểm đến ngắn.

Buổi 1. Học địa điểm và chỉ dẫn trên bản đồ.

Buổi 2. Nghe từng đoạn chỉ đường và theo dấu lộ trình.

Buổi 3. Luyện câu hỏi lịch sự và cách nói phương tiện.

Buổi 4. Đóng hai vai hỏi đường; viết chỉ dẫn 3-4 bước.

Buổi 5. Dùng bản đồ mới để nghe, hỏi và chỉ đường đơn giản.

Sau tuần này: Hỏi đường, hiểu một số chỉ dẫn ngắn và nêu cách đi đến một nơi.

Tuần 10: Ôn chu kỳ 2: mua sắm và đi lại

Ôn lời yêu cầu lịch sự, thông tin giá/số lượng, so sánh đơn giản và chỉ đường.

Học liệu: Tình huống đi mua hàng có bản đồ và giá; Đoạn nghe và đọc mới; Phiếu đóng vai.

Buổi 1. Ôn từ và mẫu câu bằng tình huống thay vì chép danh sách.

Buổi 2. Nghe để chọn đúng món, giá hoặc điểm đến.

Buổi 3. Đọc thông tin mới và tìm cách giải quyết yêu cầu.

Buổi 4. Đóng vai mua hàng/hỏi đường; viết một tin nhắn ngắn.

Buổi 5. Tự kiểm từng kỹ năng; ôn lại điểm chưa dùng được độc lập.

Sau tuần này: Hoàn thành một tình huống sinh hoạt kết hợp và ghi rõ kỹ năng cần hỗ trợ.

Lịch học 12 tuần đầu | tiếp

Tuần 11: Hôm qua và cuối tuần vừa rồi

Was/were; quá khứ đơn một số động từ thường; went/had/ate/saw/did/bought; yesterday/last weekend.

Học liệu: Đoạn kể cuối tuần ngắn; Bài nghe hoạt động đã qua; Bảng một nhóm nhỏ động từ quá khứ.

Buổi 1. Đọc đoạn kể và tìm người, nơi, thời gian, hoạt động.

Buổi 2. Nghe kể cuối tuần, sắp xếp hoạt động theo thứ tự.

Buổi 3. Luyện was/were và một nhóm nhỏ động từ quá khứ.

Buổi 4. Nói rồi viết 4-5 câu về hôm qua hoặc một cuối tuần tưởng tượng.

Buổi 5. Kể lại bằng từ khóa; ghi động từ còn nhầm để ôn.

Sau tuần này: Kể ngắn về hoạt động đã qua, người nghe/đọc hiểu được ý chính.

Tuần 12: Hỏi và kể về việc đã qua

Did ...?; didn't + động từ nguyên mẫu; then/after that; ôn sự khác nhau giữa ngày thường và hôm qua.

Học liệu: Hội thoại về cuối tuần; Phiếu câu hỏi quá khứ; Cặp đoạn ngắn hiện tại/quá khứ.

Buổi 1. Đọc hội thoại và phân biệt câu hỏi với câu trả lời.

Buổi 2. Nghe để tìm hoạt động có làm/không làm.

Buổi 3. Luyện did/didn't và động từ nguyên mẫu.

Buổi 4. Hỏi-đáp 4 câu về cuối tuần, rồi viết đoạn 5-6 câu.

Buổi 5. Nhìn lại 12 tuần: chọn minh chứng đã tiến bộ và kế hoạch ôn cho tuần tiếp theo.

Sau tuần này: Hỏi và trả lời vài câu về quá khứ; lập danh sách điều đã làm được và điều cần học tiếp.

Khung nội dung A1 - A2

Phân chia nội dung, điều chỉnh theo tiến bộ

Gồm 6 chu kỳ, mỗi chu kỳ dự kiến 4 tuần sau 2 tuần khởi động. Đây là 24 tuần phân chia nội dung, không phải cam kết từ mất gốc đạt A2 trong 24 tuần. Nếu chỉ học 30 phút × 5 buổi/tuần, phần này tương đương khoảng 60 giờ theo lịch; thời gian ôn, thực hành thêm và lặp chu kỳ cần được ghi riêng.

Sau hai tuần khởi động dùng bài 1-10, mỗi chu kỳ có ba tuần củng cố/mở rộng nội dung và một tuần kiểm tra bằng nhiệm vụ mới. Chủ đề ở tuần 3 trở đi có chủ ý lặp lại nội dung khởi động với nhiều người, tình huống và thông tin hơn. Khi một kỹ năng chưa theo kịp, thêm tuần luyện kỹ năng đó hoặc lặp chu kỳ với học liệu khác.

Chu kỳ 1: Ngày thường và nơi sống | Tuần 3-6

1. Sinh hoạt và thời gian
2. Hỏi về thói quen
3. Nhà ở và khu vực xung quanh
4. Ôn và kiểm tra bằng tình huống mới

Mục tiêu: Trao đổi thông tin cơ bản về ngày thường, thời gian và nơi chốn.

Chu kỳ 2: Ăn uống, mua sắm và đi lại | Tuần 7-10

1. Gọi món và mua thực phẩm
2. Giá, kích thước và lựa chọn
3. Hỏi đường và phương tiện
4. Ôn một tình huống kết hợp

Mục tiêu: Thực hiện một số giao dịch và trao đổi thông tin quen thuộc bằng câu ngắn.

Chu kỳ 3: Việc đã qua và kế hoạch sắp tới | Tuần 11-14

1. Kể về hôm qua
2. Hỏi-đáp về cuối tuần
3. Dự định gần với going to
4. Ôn kể chuyện và đặt kế hoạch

Mục tiêu: Kể ngắn về một hoạt động đã qua và nêu kế hoạch đơn giản.

Khung nội dung A1 - A2 | tiếp

Chu kỳ 4: Hẹn gặp và nhu cầu thường ngày | Tuần 15-18

1. Mời và trả lời lời mời
2. Đặt lịch/đổi lịch đơn giản
3. Nêu nhu cầu và hỏi sự giúp đỡ
4. Ôn hội thoại và tin nhắn

Mục tiêu: Sắp xếp một việc quen thuộc và xử lý yêu cầu đơn giản khi được hỗ trợ phù hợp.

Chu kỳ 5: Sở thích, lựa chọn và lý do | Tuần 19-22

1. Mô tả sở thích và hoạt động
2. So sánh lựa chọn quen thuộc
3. Nối ý bằng and/but/because
4. Ôn đọc thông tin và giải thích lựa chọn

Mục tiêu: Diễn đạt lựa chọn, sở thích và một vài lý do đơn giản.

Chu kỳ 6: Sử dụng tổng hợp trong đời sống | Tuần 23-26

1. Một ngày sinh hoạt có thay đổi
2. Đi mua hàng hoặc đi lại
3. Tin nhắn, đoạn kể và hội thoại
4. Kiểm tra từng kỹ năng và chọn bước tiếp

Mục tiêu: Dùng những nội dung đã học trong nhiệm vụ mới; xác định rõ kỹ năng đã vững và kỹ năng cần củng cố trước khi tăng độ khó.

Khung mở rộng A2 - B1

Phân chia nội dung, điều chỉnh theo tiến bộ

Gồm 8 chu kỳ nội dung, mỗi chu kỳ dự kiến 4 tuần và có thể lặp hoặc kéo dài. Bắt đầu sau khi nền tảng đủ dùng ở những nhiệm vụ liên quan. 32 tuần ở nhịp 30 phút × 5 buổi chỉ tương đương khoảng 80 giờ theo lịch; không bảo đảm đủ để đạt B1. Không gắn các chu kỳ này vào ngày hoàn thành chứng chỉ.

Trong mỗi chu kỳ: tuần 1 hiểu tình huống và từ/cụm từ; tuần 2 luyện cấu trúc qua nghe/đọc; tuần 3 nói/viết để giải quyết việc cụ thể; tuần 4 ôn và kiểm tra bằng học liệu mới.

Chu kỳ 1: Công việc, việc học và cuộc sống hằng ngày

1. Mô tả lịch sinh hoạt và nhiệm vụ
2. Kể một thay đổi hoặc khó khăn thường gặp
3. Trao đổi để làm rõ thông tin
4. Viết tin nhắn hoặc email ngắn có mục đích

Mục tiêu: Trao đổi dài hơn về chủ đề quen thuộc và nối các ý theo thứ tự.

Chu kỳ 2: Đi lại và sắp xếp kế hoạch

1. Đọc thông tin chuyến đi và chỗ ở
2. Nghe thông báo rõ ràng, tìm thông tin cần thiết
3. Bàn kế hoạch và lựa chọn
4. Hỏi thông tin hoặc xử lý thay đổi đơn giản

Mục tiêu: Xử lý một số tình huống quen thuộc khi đi lại và giải thích kế hoạch.

Chu kỳ 3: Trải nghiệm và những việc đã thay đổi

1. Kể một trải nghiệm
2. Phân biệt thời điểm đã qua với trải nghiệm có liên hệ hiện tại
3. Đặt câu hỏi nối tiếp
4. Viết đoạn kể có mở đầu, diễn biến và kết thúc

Mục tiêu: Kể trải nghiệm rõ hơn và giữ được mạch câu chuyện ngắn.

Chu kỳ 4: Thói quen sống và lựa chọn

1. Hiểu lời khuyên đời thường
2. Nêu lý do, điều nên làm và quy định quen thuộc
3. Nói về khả năng xảy ra trong điều kiện đơn giản
4. So sánh lựa chọn và giải thích quyết định

Mục tiêu: Diễn đạt lời khuyên hoặc lựa chọn bằng những lý do dễ hiểu; nội dung sức khỏe chỉ dùng làm tình huống ngôn ngữ.

Khung mở rộng A2 - B1 | tiếp

Chu kỳ 5: Sở thích, truyền thông và ý kiến

1. Đọc bài ngắn về chủ đề quen thuộc
2. Nghe ý chính và quan điểm rõ ràng
3. Đồng ý hoặc chưa đồng ý một cách lịch sự
4. Viết đoạn nêu ý kiến kèm ví dụ

Mục tiêu: Nêu ý kiến cá nhân và giải thích ngắn về chủ đề quen thuộc.

Chu kỳ 6: Giải quyết vấn đề và liên hệ dịch vụ

1. Mô tả một vấn đề cụ thể
2. Yêu cầu giúp đỡ và hỏi lại để làm rõ
3. Đề xuất cách xử lý
4. Viết tin nhắn/email yêu cầu, xin lỗi hoặc phản hồi

Mục tiêu: Trình bày vấn đề, đề xuất bước xử lý và kiểm tra lại thông tin quan trọng.

Chu kỳ 7: Kể chuyện và hiểu thông tin dài hơn

1. Xác định ý chính và chi tiết liên quan
2. Kể việc đang diễn ra và sự việc xen vào
3. Tóm tắt ngắn bằng lời của mình
4. Nối ý bằng từ chỉ thứ tự, nguyên nhân và kết quả

Mục tiêu: Theo dõi và trình bày một chuỗi ý tương đối rõ trên chủ đề đã quen.

Chu kỳ 8: Thực hành độc lập và nhìn lại

1. Lập một kế hoạch có thông tin từ nghe/đọc
2. Thảo luận một lựa chọn và trả lời câu hỏi nối tiếp
3. Viết một văn bản ngắn liền mạch
4. Đánh giá từng kỹ năng và xác định nội dung cần học thêm

Mục tiêu: Có hồ sơ minh chứng tiến bộ ở từng kỹ năng và kế hoạch tiếp theo; không tự tuyên bố đã đạt chứng chỉ B1.

Theo dõi từng kỹ năng

Nền tảng hướng đến A1

Kỹ năng	Việc tập làm được
Nghe	Nhận ra từ/cụm từ và thông tin rất quen thuộc khi lời nói rõ, chậm và có thể nghe lại.
Đọc	Hiểu tên gọi, biển báo và câu rất ngắn trong tình huống quen thuộc.
Nói	Chào hỏi, giới thiệu và hỏi-đáp đơn giản khi người đối thoại nói chậm, sẵn sàng nhắc lại hoặc hỗ trợ.
Viết	Điền thông tin đơn giản và viết vài câu ngắn về mình hoặc một tình huống quen thuộc.

Nền tảng mở rộng hướng đến A2

Kỹ năng	Việc tập làm được
Nghe	Hiểu thông tin chính trong lời nói ngắn, rõ về nhu cầu và sinh hoạt quen thuộc.
Đọc	Tìm thông tin cần thiết trong tin nhắn, thông báo, lịch, thực đơn hoặc đoạn ngắn dễ hiểu.
Nói	Trao đổi thông tin trực tiếp trong những việc thường ngày và mô tả ngắn về trải nghiệm, môi trường xung quanh hoặc nhu cầu.
Viết	Viết tin nhắn và một chuỗi câu đơn giản về chủ đề quen thuộc, dùng các từ nối cơ bản khi cần.

Mở rộng hướng đến B1

Kỹ năng	Việc tập làm được
Nghe	Hiểu các ý chính của lời nói rõ ràng về chủ đề quen thuộc trong sinh hoạt, học tập hoặc công việc.
Đọc	Hiểu ý chính và các chi tiết liên quan trong văn bản tương đối trực tiếp về chủ đề quen thuộc.
Nói	Tham gia trao đổi về chủ đề quen thuộc, kể trải nghiệm và giải thích ngắn lý do, kế hoạch hoặc ý kiến.
Viết	Viết một văn bản đơn giản có các ý liên kết về chủ đề quen thuộc, trải nghiệm hoặc mối quan tâm cá nhân.

Kiểm tra bằng tình huống mới

Khi nào tăng độ khó?

Chỉ tăng độ khó sau khi bạn thực hiện được nhiệm vụ của chặng hiện tại với hai bộ học liệu mới vào hai dịp khác nhau. Đây là quy tắc tự học của bộ tài liệu, không phải điểm chuẩn CEFR. Nếu một kỹ năng yếu hơn, vẫn tiếp tục những phần phù hợp và dành buổi riêng để củng cố kỹ năng đó.

Nghe

Nghe một đoạn mới cùng mức khó, chưa nhìn lời thoại; xác định người/chủ đề và tìm các thông tin đã yêu cầu. Ghi số lần nghe, phần có đọc lời thoại hoặc dùng tốc độ chậm. Cần hiểu được ý chính với mức hỗ trợ phù hợp rồi giảm dần hỗ trợ. Nếu chưa có âm thanh, đánh dấu chưa đánh giá.

Đọc

Đọc một văn bản mới cùng loại, nêu ý chính và tìm thông tin cần để làm nhiệm vụ. Kiểm tra có phụ thuộc vào dịch từng từ hay không. Được tra một số từ sau lần đọc đầu, nhưng ghi rõ phần đã cần hỗ trợ.

Nói

Nói hoặc đóng vai trong một tình huống mới, truyền đạt được thông tin cần thiết và trả lời ít nhất một câu hỏi nối tiếp. Nếu chỉ tự ghi âm, ghi là tự kiểm; nên nhờ người hoặc công cụ có khả năng nghe bản ghi góp ý về độ dễ hiểu. Không suy ra phát âm hoặc tương tác từ bài viết.

Viết

Viết sản phẩm mới đúng mục đích, người đọc hiểu được các ý chính và trình tự. Tự sửa những lỗi đã học. Có thể còn lỗi không cản trở ý nghĩa; không dùng bài chép mẫu hoặc bản được công cụ viết hộ làm minh chứng tự viết.

Chọn bước tiếp theo

Sau mỗi lần kiểm tra, ghi: có thể tiếp tục; tiếp tục kèm ôn riêng; hoặc cần thêm một tuần củng cố. Chọn theo nhiệm vụ thực tế, không theo việc đã học hết số trang.

Phiếu theo dõi 10 buổi

Đánh dấu đúng phần đã làm. Một buổi chưa hoàn thành vẫn có thể được ghi nhận phần đã học; tiếp tục ở lần kế tiếp. Cột tự nói/tự viết chỉ đánh dấu khi bạn đã tự tạo câu, không chỉ xem hoặc chép mẫu.

Mục tiêu gần: _____

Thời lượng dự kiến mỗi buổi: _____ phút

Từ ngày: _____ đến ngày: _____

Buổi / bài	Ngày	Đã học	Tự nói	Tự viết	Phút	Cần ôn
1. Giới thiệu		☐	☐	☐		
2. Gia đình		☐	☐	☐		
3. Số / giờ		☐	☐	☐		
4. Đồ vật		☐	☐	☐		
5. Ôn tuần 1		☐	☐	☐		
6. Sinh hoạt		☐	☐	☐		
7. Hỏi thói quen		☐	☐	☐		
8. Mua đồ		☐	☐	☐		
9. Vị trí		☐	☐	☐		
10. Ôn tổng hợp		☐	☐	☐		

Sau 10 buổi

Ba điều tôi đã làm được: _____

Một phần còn cần hỗ trợ: _____

Buổi tiếp theo tôi sẽ học: _____